UBND HUYỆN VĂN GIANG **TRƯỜNG MN XUÂN QUAN** --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 05 /QĐ-MNXQ	*Xuân Quan, ngày 03 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

của trường mầm non Xuân Quan

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 13689/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND Huyện Văn Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2024.

Căn cứ thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm phát luật hiện hành có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường mầm non Xuân Quan (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Hiệu trưởng, PHT,chủ tịch công đoàn, tổ trưởng, kế toán, thủ quỹ căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng TC huyện (để b/c);
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Cổng TTĐT;
- Như điều 3;
- Lưu :VT

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN QUAN

Lê Thị Thu Hằng

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số 05/QĐ-MNXQ ngày 03/01/2024 của HT trường MN Xuân Quan)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5.598**
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**5.598**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.998
1	Tiền lương	2.253
2	Phụ cấp lương	1.240
3	Tiền thưởng	20
4	Phúc lợi tập thể	100
5	Các khoản đóng góp(BHXH, BHYT,BHTN, KPCĐ	860
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	25
7	Vật tư văn phòng	40
8	Thông tin tuyên truyền liên lạc	15
9	Hội nghị	25
10	Công tác phí	20
11	Chi phí thuê mướn	65
12	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng	110
13	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	90
14	Chi khác	135
15	Tiết kiệm 10% chi hoạt động	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600
1	Hỗ trợ sửa chữa tăng cường cơ sở vật chất	600